

Số: 23/2024/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị quyết của
Hội đồng nhân dân tỉnh về Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024)
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày
18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,
Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và
Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính
phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 5791/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng nhân
dân tỉnh về Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo
thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bảng giá đất 05 năm (2020 -
2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2019/NQ-
HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được sử dụng làm căn cứ để:

1. Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân; chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân;
2. Tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm;
3. Tính thuế sử dụng đất;
4. Tính thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân;
5. Tính lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;
6. Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
7. Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý, sử dụng đất đai;
8. Tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với hộ gia đình, cá nhân;
9. Tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng;
10. Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân;
11. Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê. ”.

2. Bổ sung điểm g khoản 1 Điều 2 như sau:

“g) Bảng giá đất chăn nuôi tập trung”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 2 như sau:

“đ) Bảng giá đất tôn giáo; đất tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt; đất phi nông nghiệp khác.”.

4. Bổ sung tiêu đề khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Giá đất chăn nuôi tập trung; đất nông nghiệp khác

Giá đất chăn nuôi tập trung; đất nông nghiệp khác được tính bằng giá đất trồng cây lâu năm theo từng khu vực, từng vị trí tương ứng.”.

6. Sửa đổi Điều 18 như sau:

“Điều 18. Giá đất xây dựng công trình sự nghiệp

Giá đất xây dựng công trình sự nghiệp được tính bằng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ theo từng khu vực và vị trí tương ứng.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Giá đất tôn giáo; đất tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt; đất phi nông nghiệp khác

Giá đất tôn giáo; đất tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt; đất phi nông nghiệp khác được tính bằng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ theo từng khu vực và vị trí tương ứng.”.

8. Sửa đổi Điều 20 như sau:

“Điều 20. Giá đất sử dụng vào mục đích công cộng

Giá đất sử dụng vào mục đích công cộng được tính bằng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ theo từng khu vực và vị trí tương ứng.”.

9. Sửa đổi, bổ sung các Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 97/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019, như sau:

- Sửa đổi tên gọi (đường, đoạn đường, điểm đầu, điểm cuối) của 212 tuyến đường, đoạn đường và vừa sửa đổi tên đường vừa tăng giá đất 01 tuyến đường (*đính kèm Phụ lục I*).

- Bổ sung mới 68 tuyến đường vào Bảng giá đất (*đính kèm Phụ lục II*).

- Bãi bỏ mục 6.39 Phụ lục 6: Đường 3/2 (*đính kèm Phụ lục III*).

Điều 2. Sửa đổi một số mục tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh

Sửa đổi tên gọi (đường, đoạn đường, điểm đầu, điểm cuối) của 02 tuyến đường, đoạn đường (*đính kèm Phụ lục IV*)

Điều 3. Sửa đổi một số mục tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh

Sửa đổi tên gọi (đường, đoạn đường, điểm đầu, điểm cuối) của 04 tuyến đường, đoạn đường (*đính kèm Phụ lục V*).

Điều 4. Sửa đổi một số mục tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh

Sửa đổi tên gọi (đường, đoạn đường, điểm đầu, điểm cuối) của 57 tuyến đường, đoạn đường (*đính kèm Phụ lục VI*).

Điều 5. Kéo dài thời gian thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 đối với các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2024, cụ thể như sau:

1. Nghị quyết số 97/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thông qua Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 97/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

3. Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều Bảng giá đất 05 năm (2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm Nghị quyết số 97/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

4. Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 97/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019; Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020; Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2024 và thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Kim Ngọc Thái